

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LỘC NINH
TỈNH BÌNH PHƯỚC**

Bản án số: 74/2024/HNGĐ – ST

Ngày: 30-9-2024

V/v “Xin ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc Lập – Tự Do – Hạnh Phúc**

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LỘC NINH – TỈNH BÌNH PHƯỚC

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đào Thị Lệ Thy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Ngân

2. Bà Trần Xuân Đạm

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Anh Hùng – Thư ký Tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Như Mai Trang - Kiểm sát viên.

Ngày 30 tháng 9 năm 2024 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 199/2024/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 6 năm 2024, về việc: “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2024/QĐXX-HNGĐ ngày 29 tháng 8 năm 2024 và Quyết định hoãn phiên tòa số 52/2024/QĐST-HNGĐ ngày 13 tháng 9 năm 2024, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Trương Thị L, sinh năm 1973

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn V, sinh năm 1972

Cùng địa chỉ: Ấp Lộc Bình 2, xã Lộc T, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước

NỘI DUNG VỤ ÁN

*** Theo đơn khởi kiện và bản tự khai, nguyên đơn bà Trương Thị L trình bày:**

Bà L và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống và đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước vào năm 1995. Trước khi kết hôn có tìm hiểu nhau khoảng 01 năm. Vợ chồng sống hạnh phúc đến tháng 04/2023 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi nhau. Vợ chồng sống ly thân từ đó cho đến nay. Nay bà L xin ly hôn ông V.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1999; Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001; Khi ly hôn, các con đã trưởng thành nên bà L không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Bà L và ông V không nợ ai và cũng không ai nợ lại

Về án phí: Bà L tự nguyện chịu án phí.

Tại phiên tòa, bà L có đơn xin xét xử vắng mặt.

* Bị đơn ông Nguyễn Văn V vắng mặt trong quá trình Tòa án giải quyết vụ án. Qua xác minh tại Công an xã Lộc Thành thì ông V có hộ khẩu thường trú và đang sinh sống tại ấp Lộc Bình 2, xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh, tỉnh Bình Phước. Tòa án tiến hành tổng đạt niêm yết các thủ tục, tuy nhiên ông V không đến Tòa án để cung cấp lời khai, chứng cứ.

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm:

- Việc chấp hành pháp luật tố tụng: Tòa án thụ lý vụ án đúng thẩm quyền. Xác định đúng quan hệ tranh chấp, thực hiện thủ tục cấp tổng đạt các văn bản tố tụng, thu thập chứng cứ, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát. Tại phiên tòa, Thẩm phán, Thư ký phiên tòa thực hiện theo đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự. Nguyên đơn chấp hành đúng quy định, bị đơn không chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Ông V vắng mặt nhưng Tòa án đã tổng đạt các thủ tục đúng quy định nên đề nghị xét xử vắng mặt.

- Về nội dung: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Trương Thị L.

Về quan hệ hôn nhân: Cho bà Trương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1999; Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001; Các con đã trưởng thành nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung: Bà L và ông V tự thỏa thuận nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Bà L và ông V không nợ ai và cũng không ai nợ lại

Về án phí: Bà L phải chịu theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về tố tụng:

Bà Trương Thị L có đơn khởi kiện tại Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh yêu cầu giải quyết ly hôn với ông Nguyễn Văn V nên vụ án được quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Ông V cư trú tại xã Lộc Thành, huyện Lộc Ninh nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Lộc Ninh được quy định tại khoản 1 Điều 35 và Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa, bà L có đơn xin vắng mặt. Bị đơn là ông Nguyễn Văn V vắng mặt, tuy nhiên Tòa án đã thực hiện các thủ tục tổng đạt đối với ông V. Căn cứ vào Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2]. Về nội dung:

Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L và ông Nguyễn Văn V tự nguyện chung sống với nhau từ năm 1995, có đăng ký kết hôn tại UBND xã Lộc Thành, vì vậy hôn nhân giữa bà L và ông V là hợp pháp. Tại phiên tòa và quá trình giải quyết vụ án ông V vắng mặt. Tòa án tiến hành tổng đạt các thủ tục theo quy định pháp luật nhưng ông V không có văn bản trình bày ý kiến về yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và không có mặt tại tòa, không thực hiện quyền lợi của mình nên Hội đồng xét xử căn cứ lời khai của bà L và các tài liệu, chứng cứ do nguyên đơn giao nộp cho Tòa án, các tài liệu chứng cứ do Tòa án thu thập được để xem xét. Hội đồng xét xử xét thấy bà L có đơn xin ly hôn với ông V. hiện nay bà L xác định không còn tình cảm với ông V nên vẫn giữ yêu cầu xin ly hôn. Thời gian chung sống giữa bà L và ông V phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm sống từ tháng 4/2023 và sống ly thân từ đó cho đến nay. Như vậy, tình trạng hôn nhân giữa bà L và ông V đã trầm trọng, cuộc sống không có hạnh phúc, mục đích hôn nhân không đạt được; Căn cứ Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử quyết định cho bà L được ly hôn với ông V.

Về con chung: Có 03 con chung tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1999; Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001. Các con đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

Về tài sản chung: Bà L và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ: Không có.

[3]. Quan điểm của đại diện Viện kiểm sát phù hợp nhận định của Tòa án nên chấp nhận.

[4]. Về án phí: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì nguyên đơn phải chịu án phí dân sự sơ thẩm trong vụ án ly hôn, không phụ thuộc vào việc Tòa án chấp nhận hay không chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn. Như vậy, bà L phải chịu số tiền án phí Hôn nhân sơ thẩm là 300.000đ (Ba trăm ngàn đồng).

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điều 56 Luật hôn nhân gia đình;
- Khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 và khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, Điều 271 và khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

- Điểm a, khoản 5 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trương Thị L được ly hôn với ông Nguyễn Văn V.

2. Về con chung: Các con tên Nguyễn Thị Thu T, sinh năm 1995; Nguyễn Thị Hồng H, sinh năm 1999; Nguyễn Văn H1, sinh năm 2001 đã trưởng thành nên Tòa án không xem xét.

3. Về tài sản chung: Bà L và ông V tự thỏa thuận không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về nợ: Không có.

5. Về án phí: Bà L phải chịu 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) án phí Hôn nhân sơ thẩm được khấu trừ vào số tiền 300.000đ (*Ba trăm ngàn đồng*) tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Lộc Ninh theo biên lai thu tiền số 0006338 ngày 07 tháng 6 năm 2024

6. Quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận :

- TAND tỉnh Bình Phước
- VKS huyện Lộc Ninh
- Các đương sự.
- UBND xã Lộc Thành
- THA DS huyện Lộc Ninh
- Lưu hồ sơ

**T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Đào Thị Lệ Thy